

ĐỀ CHÍNH THỨC

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Thưa mẹ!
Con về với mẹ đây
Những ngọn gió thổi qua vườn cuối hạ
Lá xôn xao những cánh thư thầm
Chiến tranh đã tắt cuối con đường
Cau vẫn rụng vào những chiều thương nhớ
Bầy sẻ nâu đã bao mùa sinh nở
Con đã về, mẹ có thấy con không

Cỏ đã lên mầm trên những hố bom
Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy

Gió thổi suốt bốn nghìn năm và mẹ
Nước mắt đầy trên những vết nhăn

Con đã về với mẹ, chiều nay
Mà mẹ không nhìn thấy
Con mèo thay con thức cùng với mẹ
Lặng im theo bóng mẹ lưng còng

Chiến tranh qua rồi và mãi mãi con tin
Con ngủ quên dưới cánh rừng lá bạc
Khi gió thổi là con tỉnh giấc
Theo đường gió con về ngắm mẹ sau lưng

(Trích *Thư gửi mẹ* – Nguyễn Quang Thiều, in trong *Những mảnh ghép của huyền thoại*,
Nguyễn Thanh Tâm tuyển chọn, NXB Văn học, 2024, tr.367)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Trong cảm nhận của người con, người mẹ hiện lên qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung của khổ thơ:

Chiến tranh đã tắt cuối con đường
Cau vẫn rụng vào những chiều thương nhớ
Bầy sẻ nâu đã bao mùa sinh nở
Con đã về, mẹ có thấy con không

Câu 4. Trình bày hiệu quả của yếu tố tượng trưng trong hai câu thơ sau:

Cỏ đã lên mầm trên những hố bom
Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy

Câu 5. Từ nội dung của đoạn trích trên, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của hòa bình trong cuộc sống hôm nay (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật người con trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay, việc ứng dụng các thiết bị thông minh vào quá trình học tập đang trở nên phổ biến nhưng không ít người lại phụ thuộc quá nhiều vào các thiết bị đó.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Gồm 04 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo vừa bám sát hướng dẫn chấm, đáp án - biểu điểm; vừa căn cứ vào thực tế bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm.
- Bài làm của thí sinh chỉ đạt điểm tối đa khi đảm bảo các ý cơ bản, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm toàn bài thi và điểm từng câu, chấm điểm lẻ đến 0,25.

B. ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4,0
	1	- Số chữ trong các dòng không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của đoạn trích. * Hướng dẫn chấm: - Trình bày đúng như đáp án hoặc diễn đạt tương tự: 0,5 điểm - Diễn đạt thiếu ý: 0,25 điểm - Trình bày không đúng: không chấm điểm	0,5
	2	- Người mẹ hiện lên qua những từ ngữ, hình ảnh: <i>nước mắt, vết nhăn, lưng còng...</i> * Hướng dẫn chấm: - Trình bày được hai đến ba từ ngữ, hình ảnh: 0,5 điểm - Trình bày được một từ ngữ, hình ảnh: 0,25 điểm - Trình bày không đúng: không chấm điểm	0,5
	3	- Nội dung của khổ thơ: + Chiến tranh kết thúc, cuộc sống đã trở lại bình thường nhưng con đã hi sinh, linh hồn con nay trở về nhưng mẹ không thể nhìn thấy được. + Thể hiện nỗi nhớ thương và đau xót của nhân vật trữ tình trước sự mất mát, chia lìa do chiến tranh gây ra. * Hướng dẫn chấm: - Trình bày được cả hai ý: 1,0 điểm - Trình bày được một ý: 0,5 điểm - Trình bày sơ sài: 0,25 điểm. - Trình bày không đúng: không chấm điểm	1,0

	4	- Hiệu quả của yếu tố tượng trưng: + Gọi sự hồi sinh, sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, đất nước sau chiến tranh. + Giúp lời thơ giàu hình ảnh và sức biểu cảm, tạo ấn tượng và liên tưởng cho người đọc. * Hướng dẫn chấm: - Trình bày được cả hai ý: 1,0 điểm - Trình bày được một ý: 0,5 điểm - Trình bày sơ sài: 0,25 điểm. - Trình bày không đúng: không chấm điểm.	1,0
	5	- Từ nội dung của đoạn trích, thí sinh bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của hòa bình trong cuộc sống hôm nay. Có thể theo hướng: + Tạo môi trường thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên. + Gắn kết yêu thương giữa con người với nhau, giữa các quốc gia với nhau. + Không gây ra những tổn thương dai dẳng, tổn thất nặng nề về vật chất và tinh thần. * Hướng dẫn chấm: - Trình bày thuyết phục, hấp dẫn: 1,0 điểm - Trình bày tương đối thuyết phục: 0,75 điểm - Trình bày chưa thuyết phục: 0,5 điểm. - Trình bày sơ sài, mắc lỗi diễn đạt: 0,25 điểm - Trình bày không đúng: không chấm điểm.	1,0
		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật người con trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng đoạn văn (khoảng 200 chữ). Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành. * Hướng dẫn chấm: - Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng: 0,25 điểm - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng: không chấm điểm.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> - Phân tích nhân vật người con trong đoạn trích. * Hướng dẫn chấm: - Xác định đúng: 0,25 điểm. - Xác định sai: không chấm điểm.	0,25

	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, bảo đảm các nội dung sau: - Nhân vật người con trong đoạn trích chính là linh hồn của một người lính đã hi sinh trong chiến tranh. - Chiến tranh đã đi qua, linh hồn ấy trở về quê hương thăm mẹ với bao nhớ thương, đau xót. - Tình mẫu tử của người con thống nhất với tình yêu Tổ quốc và niềm tin vào sức sống bất diệt của đất nước... - Nhân vật người con được xây dựng một cách sáng tạo qua những hình ảnh thân thuộc, gần gũi, lời thơ đa diết... * Hướng dẫn chấm: - Trình bày đủ ý, thuyết phục, hấp dẫn: 1,0 điểm - Trình bày đủ ý, tương đối thuyết phục: 0,75 điểm - Trình bày thiếu ý, chưa thuyết phục: 0,5 điểm. - Trình bày sơ sài, mắc lỗi diễn đạt: 0,25 điểm - Trình bày không đúng: không chấm điểm.	1,0
	<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2 Hiện nay, việc ứng dụng các thiết bị thông minh vào quá trình học tập đang trở nên phổ biến nhưng không ít người lại phụ thuộc quá nhiều vào các thiết bị đó. Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ). * Hướng dẫn chấm: - Đảm bảo yêu cầu về bố cục, dung lượng: 0,25 điểm - Không đảm bảo yêu cầu về bố cục, dung lượng: không cho điểm.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Thái độ và hành động của con người trước việc ứng dụng các thiết bị thông minh vào quá trình học tập. * Hướng dẫn chấm: - Xác định đúng: 0,5 điểm - Xác định sai: không chấm điểm.	0,5
	<i>c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i>	2,5

	- Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài: - Giải thích: Các thiết bị thông minh là các thiết bị công nghệ cao giúp con người kết nối và giải quyết các nhiệm vụ trong học tập cũng như trong cuộc sống. - Bàn luận: + Việc ứng dụng các thiết bị thông minh vào quá trình học tập đang trở nên phổ biến vì sự tiện lợi và thiết thực của nó. + Tuy nhiên, khi con người phụ thuộc quá nhiều vào các thiết bị đó thì dễ dẫn đến những hậu quả khó lường về thể chất và tinh thần, tư tưởng và hành động. + Để đáp ứng yêu cầu của thời đại, người trẻ cần không ngừng nâng cao năng lực sử dụng công nghệ, khai thác hiệu quả các thiết bị thông minh trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống. Đồng thời, phải có bản lĩnh làm chủ trong việc ứng dụng các thiết bị đó để không bị phụ thuộc. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i> * Hướng dẫn chấm: - Trình bày đầy đủ các ý: 2,5 điểm - Trường hợp khác: Giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm của thí sinh để chấm điểm.	
	<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

----- HẾT -----

	- c2.1.1. <i>Tình cảm gắn bó, mến yêu với cuộc sống quê hương nghèo khó nhưng êm đềm:</i> Con người và thiên nhiên, vạn vật hiện lên trong sự giao hòa, gắn kết: người rửa rau “chia rau” cho cá; người “mổ lợn”, “chia thịt” cho quạ, cho cá cùng ăn Tết; người trồng rau ăn lá, chia hoa cho bướm ong hút mật; người trồng lúa ăn gạo, chia rơm thơm cho trâu; người và trâu chia cả bến sông: “phía dưới trâu tắm / phía trên ta tắm”. Những chi tiết, hình ảnh giản dị, đời thường đã thể hiện tình thần lạc quan, yêu đời, tình yêu quê hương sâu sắc của nhân vật trữ tình. - c2.1.2. <i>Cảm xúc, suy tư đạt dào về kí ức tươi đẹp, “yên ổn”:</i> Trong tình cảm của nhân vật trữ tình, kí ức đồng nghĩa với sự đẹp đẽ, vẹn nguyên. Đắm mình với sông quê, con người cảm nhận rõ giá trị tinh thần của “ngày xưa”, trào dâng tình yêu thương, nhưng nhớ, biết ơn đối với quê hương, nguồn cội. “Một dòng xanh trong” không chỉ là dòng chảy của con sông quê mà còn là dòng chảy của giá trị tinh thần, sức mạnh từ quá khứ “chảy mãi đến vô cùng”. - c2.1.3. <i>Cảm xúc, suy tư của tác giả được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:</i> thể thơ tự do, hình ảnh thơ gần gũi, sinh động, vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa ẩn dụ; biện pháp liệt kê, nhân hóa giàu hình ảnh; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự với yếu tố biểu cảm đã góp phần thể hiện sinh động, giàu cảm xúc thế giới tinh cảm của nhân vật trữ tình. c2.2. <i>Đánh giá</i> Cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình đã thể hiện vẻ đẹp của tình yêu, sự gắn bó với quê hương thiết tha, sâu lắng, có ý nghĩa khơi gợi tình cảm gắn bó với đất nước, hướng con người đặc biệt là thế hệ trẻ đến giá trị tích cực, bền vững.	
	c3. Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.	0,25
	Hướng dẫn chấm: - Nêu được yêu cầu c1. Mở bài: 0,25 điểm. - Triển khai được các yêu cầu c2. Thân bài: 2,5 điểm, trong đó: + Triển khai được ý phân tích c2.1.1 nêu trên hoặc tương đương: 1,0 điểm; + Triển khai được ý phân tích c2.1.2 nêu trên hoặc tương đương: 0,5 điểm; + Triển khai được ý phân tích c2.1.3 nêu trên hoặc tương đương: 0,5 điểm; + Triển khai được ý đánh giá c2.2 nêu trên hoặc tương đương: 0,5 điểm. - Nêu được yêu cầu c3. Kết bài: 0,25 điểm. - Diễn đạt hay và có ý sáng tạo: 0,5 điểm. (Lưu ý trừ điểm lỗi diễn đạt^(*): + <i>Cách tính:</i> Tính số lượt mắc lỗi, gồm: (1) sai chính tả; (2) diễn đạt lung tung; (3) dùng từ, chêm câu sai; (4) thiếu liên kết văn bản; (5) chữ viết cầu thả; + <i>Mức trừ:</i> Từ 06 đến 09 lỗi: trừ 0,5 điểm; Từ 10 đến 13 lỗi: trừ 1,0 điểm; Trên 13 lỗi: không quá ½ điểm cả câu.	
	Tổng điểm (phần I + II)	10,0

^(*) Lưu ý thêm về việc chấm phần Viết (đoạn văn, bài văn):

- Cần tập trung xem xét về văn (chất văn) qua cách diễn đạt, trình bày,... Tránh việc tập trung đếm ý, cho điểm. Điểm sáng tạo và diễn đạt (mục d và e trước đây) được tính vào mục c.

- Quy trình chấm: Thực hiện bài chấm theo Đáp án, hướng dẫn chấm trước; tính lỗi diễn đạt sau. Việc làm này không ảnh hưởng đến những thí sinh có năng lực viết tốt, chỉ không chế những bài viết yếu, trung bình không thể đạt ngưỡng điểm khá, giỏi.

- Việc tính lỗi diễn đạt của thí sinh cần linh hoạt khi đánh giá lỗi liên quan đến ngữ âm vùng miền (đối với trường học có nhiều học sinh dân tộc thiểu số).

----- HẾT -----